

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHÍNH THỨC

25 - 01 - 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 31/12/2009

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 01 - 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***MẪU SỐ B 01-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.099.030.868.500	3.160.210.079.635
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	415.417.916.497	329.545.163.667
1. Tiền	111		365.417.916.497	124.287.782.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	205.257.381.325
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.314.253.566.692	374.002.285.692
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.400.760.431.792	496.998.072.070
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3	(86.506.865.100)	(122.995.786.378)
III. Các khoản phải thu	130		802.254.881.523	648.726.546.626
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	583.761.476.043	530.133.730.820
2. Trả trước cho người bán	132		137.378.435.309	75.318.343.607
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	81.757.731.624	43.407.581.611
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(642.761.453)	(133.109.412)
IV. Hàng tồn kho	140		1.280.773.657.392	1.755.359.449.757
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.287.882.946.842	1.767.372.623.913
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(7.109.289.450)	(12.013.174.156)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		286.330.846.396	52.576.633.893
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	21.075.063.403	31.117.949.257
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		37.343.494.342	19.181.303.206
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.10	226.000.000.000	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.912.288.651	2.277.381.430

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***MẪU SỐ B01-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.380.205.196.576	2.724.885.884.959
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.822.112.758	28.605.894.723
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		8.822.112.758	28.605.894.723
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.322.962.709.746	1.804.744.888.756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.652.108.063.492	1.413.525.263.202
- Nguyên giá	222		2.909.678.985.921	2.479.272.612.215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.257.570.922.429)	(1.065.747.349.013)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	23.390.560.883	35.017.369.138
- Nguyên giá	228		66.488.859.797	63.565.277.317
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(43.098.298.914)	(28.547.908.179)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	647.464.085.371	356.202.256.416
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		801.479.484.538	647.899.511.949
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	228.800.000.000	135.694.129.576
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	26.151.955.551	131.749.205.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	652.324.833.440	495.807.313.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	(105.797.304.453)	(115.351.136.978)
V. Tài sản dài hạn khác	260		246.940.889.534	243.635.589.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	192.530.909.235	195.338.108.061
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		53.520.933.059	47.275.236.230
3. Tài sản dài hạn khác	268		889.047.240	1.022.245.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		8.479.236.065.076	5.885.095.964.594

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009***MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		1.834.325.259.082	1.121.759.318.829
I. Nợ ngắn hạn	310		1.578.088.863.920	939.887.883.342
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	9.963.436.000	188.221.936.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	793.260.645.166	491.912.069.705
3. Người mua trả tiền trước	313		77.584.157.132	5.914.899.179
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	399.397.544.377	64.153.193.539
5. Phải trả người lao động	315		28.238.908.609	3.044.487.460
6. Chi phí phải trả	316	V.22	206.997.629.616	143.655.326.096
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	62.646.543.020	42.985.971.363
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		256.236.395.162	181.871.435.487
1. Phải trả dài hạn người bán	331		116.939.763.988	93.612.316.987
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	30.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	12.454.295.000	22.417.731.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	34.842.336.174	35.841.387.500
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.26	6.644.910.805.994	4.763.336.645.765
I. Vốn chủ sở hữu	410		6.462.649.868.380	4.667.138.594.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.512.653.000.000	1.752.756.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.064.948.051.177
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(154.222.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.756.282.910.335	869.697.027.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		294.347.876.431	175.275.670.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		899.520.303.614	804.461.145.827
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		182.260.937.614	96.198.051.139
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		182.260.937.614	96.198.051.139
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		8.479.236.065.076	5.885.095.964.594

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công			236.130.220
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		3.721.592,43	1.896.238,64
EUR		425,61	3.843,23
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**(Dạng đầy đủ)****Năm 2009****MẪU SỐ B02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	10.856.364.113.495	8.407.173.548.785
2. Các khoản giảm trừ	3		206.370.629.645	171.580.600.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10		10.649.993.483.850	8.235.592.948.481
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.777.573.637.378	5.640.664.413.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		3.872.419.846.472	2.594.928.535.139
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	322.293.282.582	263.801.356.391
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	73.507.497.195	273.204.634.987
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		6.603.699.017	25.512.307.050
8. Chi phí bán hàng	24		1.245.476.021.840	1.052.303.600.824
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	279.959.615.835	290.904.366.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) – (24+25)}	30		2.595.769.994.184	1.242.317.289.031
11. Thu nhập khác	31	VI.5	223.691.656.844	134.770.021.679
12. Chi phí khác	32	VI.6	86.598.436.335	2.918.470.824
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		137.093.220.509	131.851.550.855
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.732.863.214.693	1.374.168.839.886
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		357.664.782.907	161.873.920.364
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(6.245.696.829)	(39.258.388.334)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)	60		2.381.444.128.615	1.251.553.307.856
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	6.786	3.567

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hùng

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009****MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2.732.863.214.693	1.374.168.839.886
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2	V.11, V.12	217.354.530.385	163.646.590.621
- Các khoản dự phòng	3		(44.077.029.638)	194.318.709.908
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		3.485.360.436	(5.703.525.494)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(186.392.992.304)	(93.254.024.167)
- Chi phí lãi vay	6	VI.4	6.603.699.017	25.512.307.050
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		2.729.836.782.589	1.658.688.897.804
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(126.237.420.320)	18.410.245.930
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		470.271.876.311	(98.479.851.012)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		457.688.233.570	(111.554.437.601)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		12.850.084.680	(16.899.401.301)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.891.124.226)	(24.497.716.869)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.10, V.21	(289.460.673.397)	(101.861.076.253)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16.032.334.480	53.505.357.335
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(146.953.873.474)	(103.947.210.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.117.136.220.213	1.273.364.807.521
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(650.077.543.415)	(412.994.347.213)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		62.885.083.319	543.873.919
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.323.386.500.000)	(50.191.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		306.014.175.498	3.010.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(95.555.870.424)	(169.951.911.225)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		134.267.250.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		70.657.151.268	89.376.470.686
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.495.196.253.754)	(540.206.913.833)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.646.400.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(154.222.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	173.547.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(188.221.936.000)	(9.963.436.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(351.280.620.000)	(680.733.353.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(536.010.378.000)	(517.149.789.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		85.929.588.459	216.008.104.688
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		329.545.163.667	113.526.928.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi Ngoại tệ	61		(56.835.629)	10.130.753
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70		415.417.916.497	329.545.163.667

Người lập biểu

 Nguyễn Việt Hùng

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010
 Kế Toán Trưởng

 Lê Thành Liêm

Tổng Giám Đốc

 Mai Kiều Liên

Đ. K. K. D. 4108007932
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK
 QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 .
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/12/2009,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau

Các chi nhánh:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy - TP Hà Nội
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nối dài
Phường Hải Châu 2 - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng .
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình - TP Cần Thơ.

Các nhà máy:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức - TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
- 9/ Nhà máy cà phê Sài Gòn - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ đức, TP.HCM.
- + Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q. Gia Lâm, Hà Nội

Phòng khám:

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

+ Công ty có các Công ty con như sau

Công ty con	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty nắm giữ
- Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam (Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế)	Kinh doanh bất động sản	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa.
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt .
- n. Dịch vụ sau thu hoạch .
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- + Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006.
- + Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.
- + Chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.
- + Ban Điều Hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- + Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn Mực Kế toán, Nguyên Tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- + Báo Cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

+ Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

- Các khoản tiền gửi ngân hàng : Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ thì:

- Cuối quý, cuối niên độ: đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo VAS 10).

+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2008 : 16.977 VNĐ/USD

31/12/2009: 17.941 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối năm, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- + Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

+ TSCĐ vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo quyết định QĐ 908/QĐ-CTS.KT ngày 9/07/2009 do Công ty CP sữa Việt Nam ban hành căn cứ trên Quyết Định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

- + Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- + TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn không áp dụng trích khấu hao, có thời hạn thì trích khấu hao theo thời hạn trên giấy phép. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- .
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- .
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- + Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- + Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau :
 - Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

thức doanh thu)

- Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

- + Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- + Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu).

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- + Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- + Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

+ **Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia:** Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

+ Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

+ Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

+ Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh

+ Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp):* Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

+ *Thuế thu nhập hiện hành:* Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

+ *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

+ Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của các nhà máy sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	349.838.380	543.529.901
- Tiền gửi ngân hàng	364.228.070.141	121.959.470.098
- Tiền đang chuyển	840.007.976	1.784.782.343
- Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	205.257.381.325
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	50.000.000.000	205.257.381.325
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>415.417.916.497</u>	<u>329.545.163.667</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	173.060.231.792	182.633.322.070
• Cổ phiếu	169.820.231.792	180.228.322.070
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	3.240.000.000	2.405.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	2.227.700.200.000	314.364.750.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	2.227.700.200.000	106.396.500.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	207.968.250.000
Cộng	<u>2.400.760.431.792</u>	<u>496.998.072.070</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(86.506.865.100)	(122.995.786.378)
- Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>(86.506.865.100)</u>	<u>(122.995.786.378)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	443.934.670.327	374.556.082.231
- Khách hàng nước ngoài	139.826.805.716	155.577.648.589
Cộng	<u>583.761.476.043</u>	<u>530.133.730.820</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi tiền gửi	56.339.350.383	9.682.758.839
- Cổ tức, trái tức và lợi nhuận được chia	4.179.971.057	10.708.531.889
- Cho vay ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
- Thuế Nhập Khẩu còn được hoàn	8.236.379.986	11.904.998.960
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	5.113.567.440	741.940.306
- Phải thu khác	5.388.462.759	7.869.351.617
Cộng	<u>81.757.731.624</u>	<u>43.407.581.611</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(209.497.642)	(106.233.844)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	(94.574.608)	(106.233.844)
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(53.809.565)	-
• <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(61.113.469)	-
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(433.263.811)	(26.875.568)
Cộng	<u>(642.761.453)</u>	<u>(133.109.412)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	373.436.700.524	219.323.280.857
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	535.156.391.325	1.220.192.494.161
- Công cụ, dụng cụ	5.728.217.220	5.369.397.671
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.470.821.224	95.901.845.468
- Thành phẩm	248.724.584.464	215.875.926.000
- Hàng hóa	11.409.563.139	10.709.679.756
- Hàng gửi đi bán	7.956.668.946	-
Cộng	<u>1.287.882.946.842</u>	<u>1.767.372.623.913</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu	(4.964.351.701)	(7.198.095.372)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.992.954.147)	(3.728.140.954)
- Thành phẩm	(77.056.174)	(901.295.089)
- Hàng hóa	(74.927.428)	(185.642.741)
Cộng	<u>(7.109.289.450)</u>	<u>(12.013.174.156)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.641.491.395	13.086.892.583	12.860.821.573	-	1.867.562.405
- Chi phí quảng cáo	7.873.032.531	28.413.999.998	32.927.474.680	-	3.359.557.849
- Chi phí CCDC bán hàng	8.493.035.020	6.089.365.832	10.349.954.619	-	4.232.446.233
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	5.990.898.361	19.660.189.269	18.978.093.216	1.780.465.592	4.892.528.822
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.021.706.782	11.591.889.429	11.089.505.600	-	2.524.090.611
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	1.876.705.301	12.066.441.828	8.527.996.483	1.481.411.158	3.933.739.488
- Chi phí khác	3.221.079.867	53.206.124.066	55.615.223.158	546.842.780	265.137.995
Cộng	<u>31.117.949.257</u>	<u>144.114.903.005</u>	<u>150.349.069.329</u>	<u>3.808.719.530</u>	<u>21.075.063.403</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.000.000.000	-
Cộng	<u>226.000.000.000</u>	<u>-</u>

* Vào ngày 14/01/2010 Tổng Cục Thuế đã có công văn số 149/TCT-PC về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn từ năm 2004 – 2006. Theo nội dung công văn này được sự chấp thuận của Thủ Tướng Chính Phủ, Tổng Cục Thuế đã hướng dẫn cho phép cộng gộp hai mức ưu đãi : (1) giảm 50% số thuế phải nộp theo luật thuế TNDN và được công thêm (2) giảm 50% số thuế TNDN phải nộp do chứng khoán niêm yết lần đầu thành tổng hợp chung là doanh nghiệp được miễn thuế trong năm tài chính đó. Căn cứ vào Công Văn này thì Công ty sẽ được miễn thuế trong các năm 2004, 2005, 2006, 2007 cho nên khoản thuế 226 tỷ mà Công ty đã tạm nộp theo Thông Báo ngày 22/05/2008 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh được ghi nhận như là một khoản tạm nộp thuế và thể hiện tại mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước trong Báo cáo tài chính năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	455.650.595.302	1.687.125.974.430	248.052.050.175	88.443.992.308	2.479.272.612.215
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	2.607.934.110	24.889.606.530	33.258.326.068	17.981.933.835	78.737.800.543
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	47.17.790.662	240.070.756.971	72.057.708.926	7.871.481.595	367.017.738.154
-Phân loại lại	1.677.799.940	(1.660.111.940)	-	(17.688.000)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	3.814.349.436	10.640.340.126	894.475.429	15.349.164.991
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối năm	<u>506.954.120.014</u>	<u>1.946.611.876.555</u>	<u>342.727.745.043</u>	<u>113.385.244.309</u>	<u>2.909.678.985.921</u>
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	131.965.071.447	782.441.777.259	92.223.537.057	59.116.963.250	1.065.747.349.013
+Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
-Khấu hao trong kỳ	20.872.407.292	138.550.549.016	25.929.046.279	17.452.137.063	202.804.139.650
-Phân loại lại	97.871.662	(97.871.662)	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	3.699.964.596	6.400.099.035	880.502.603	10.980.566.234
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối năm	<u>152.935.350.401</u>	<u>917.194.490.016</u>	<u>111.752.484.301</u>	<u>75.688.597.710</u>	<u>1.257.570.922.429</u>
+Giá trị còn lại					
+Số đầu năm	<u>323.685.523.855</u>	<u>904.684.197.171</u>	<u>155.828.513.118</u>	<u>29.327.029.058</u>	<u>1.413.525.263.202</u>
+Số cuối năm	<u>354.018.769.613</u>	<u>1.029.417.386.539</u>	<u>230.975.260.742</u>	<u>37.696.646.599</u>	<u>1.652.108.063.492</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Nhãn hiệu hàng hóa</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
+Số đầu năm	19.899.547.200	-	-	43.665.730.117	63.565.277.317
+Tăng trong kỳ					
-Mua trong kỳ	-	-	-	2.923.582.480	2.923.582.480
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối năm	19.899.547.200	-	-	46.589.312.597	66.488.859.797
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	11.608.069.186	-	-	16.939.838.993	28.547.908.179
+Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
-Khấu hao trong kỳ	-	-	-	14.550.390.735	14.550.390.735
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+Số cuối năm	11.608.069.186	-	-	31.490.229.728	43.098.298.914
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	8.291.478.014	-	-	26.725.891.124	35.017.369.138
+Số cuối năm	8.291.478.014	-	-	15.099.082.869	23.390.560.883

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
+Số dư đầu năm	356.202.256.416	598.307.343.777
+Tăng trong kỳ	728.677.518.307	362.197.003.081
+Chuyển sang TSCĐ hữu hình	367.017.738.154	587.861.362.967
+Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	16.440.727.475
+Thanh lý	66.463.959.767	-
+ Giảm khác	3.933.991.431	-
+Số dư cuối năm	647.464.085.371	356.202.256.416

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

14. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	139.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	55,00%	55,00%	44.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế	100,00%	100,00%	45.800.000.000
Cộng			228.800.000.000

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	9.000.000.000
Cộng			26.151.955.551

16. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư cổ phiếu	329.524.833.440	339.767.313.800
- Đầu tư trái phiếu	200.000.000.000	3.240.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	122.800.000.000	152.800.000.000
Cộng	652.324.833.440	495.807.313.800

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(96.405.129.045)	-
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(9.392.175.408)	(7.303.886.978)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	-	(108.047.250.000)
Cộng	(105.797.304.453)	(115.351.136.978)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê đất, Cơ sở hạ tầng	193.914.048.807	835.881.434	-	5.317.245.139	189.432.685.102
- Chi phí CCDC bán hàng		8.522.870.216	-	6.122.465.832	2.400.404.384
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.424.059.254	2.004.067.058	-	2.730.306.563	697.819.749
Cộng	<u>195.338.108.061</u>	<u>11.362.818.708</u>	<u>-</u>	<u>14.170.017.534</u>	<u>192.530.909.235</u>

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	-	178.258.500.000
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	<u>9.963.436.000</u>	<u>188.221.936.000</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	391.128.743.986	214.465.599.922
- Nhà cung cấp nước ngoài	392.921.977.696	267.809.425.037
- Nhà phân phối	9.209.923.484	9.637.044.746
Cộng	<u>793.260.645.166</u>	<u>491.912.069.705</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.750.505.816	475.131.257.725	451.432.035.544	30.449.727.997
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	6.087.266.692	242.971.399.898	227.208.171.069	21.850.495.521
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.341.093.579	104.109.182.227	94.975.937.054	11.474.338.752
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.526.596.060	357.664.782.907	63.460.673.397	329.730.705.570
- Thuế thu nhập cá nhân	13.176.918.131	11.956.495.795	19.250.467.677	5.882.946.249
- Thuế tài nguyên	6.412.620	137.490.430	134.572.762	9.330.288
- Thuế nhà đất	-	83.310.984	83.310.984	-
- Tiền thuê đất	-	2.235.598.429	2.235.598.429	-
- Các loại thuế khác	264.400.641	6.177.515.419	6.441.916.060	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	501.080.783	501.080.783	-
Cộng	<u>64.153.193.539</u>	<u>1.200.968.114.597</u>	<u>865.723.763.759</u>	<u>399.397.544.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	143.611.944.115	106.701.087.846
- Chi phí quảng cáo	37.959.007.545	21.470.581.127
- Chi phí vận chuyển	13.592.206.655	5.139.294.140
- Chi phí xuất khẩu	102.807.411	45.346.969
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	2.736.095.442	1.531.249.695
- Chi phí phải trả khác	8.995.568.448	8.767.766.319
Cộng	<u>206.997.629.616</u>	<u>143.655.326.096</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	70.778.308	384.100
- Kinh phí công đoàn	-	477.869.598
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.930.560.000	6.047.400.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	2.684.859.155	2.047.962.757
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	5.178.025.386	15.906.265.295
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.782.320.171	18.506.089.613
Cộng	<u>62.646.543.020</u>	<u>42.985.971.363</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	12.454.295.000	22.417.731.000
Cộng	<u>12.454.295.000</u>	<u>22.417.731.000</u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

- Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	12.454.295.000
- Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>22.417.731.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

25. Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

	<u>Năm 2009</u>
Số dư đầu kỳ	35.841.387.500
Trích lập dự phòng	4.513.429.352
Sử dụng dự phòng	(3.541.912.778)
Hoàn nhập dự phòng	(1.970.567.900)
Số dư cuối kỳ	<u><u>34.842.336.174</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

26. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	5	6	9
Số dư đầu năm trước	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	744.541.696.836	136.312.134.839	91.622.417.265	525.757.147.704	4.315.938.147.821
- Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	1.251.553.307.856	1.251.553.307.856
- Trích lập các quỹ	-	-	-	125.155.330.786	38.963.535.161	125.155.330.786	(289.274.196.733)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	3.783.738.872	-	3.783.738.872
- Cổ tức	-	-	-	-	-	2.841.760.000	(683.575.113.000)	(680.733.353.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(127.205.195.784)	-	(127.205.195.784)
Số dư đầu năm nay	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	869.697.027.622	175.275.670.000	96.198.051.139	804.461.145.827	4.763.336.645.765
- Tăng vốn trong kỳ	1.759.896.300.000	(1.064.948.051.177)	-	-	-	-	(691.301.848.823)	3.646.400.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	2.381.444.128.615	2.381.444.128.615
- Trích lập các quỹ	-	-	-	886.585.882.713	119.072.206.431	238.144.412.861	(1.243.802.502.005)	-
- Tăng khác	-	-	(154.222.000)	-	-	-	-	(154.222.000)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(351.280.620.000)	(351.280.620.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(152.081.526.386)	-	(152.081.526.386)
Số dư cuối năm	3.512.653.000.000	-	(154.222.000)	1.756.282.910.335	294.347.876.431	182.260.937.614	899.520.303.614	6.644.910.805.994

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ(*)</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	1.672.022.828.000	47,60%	834.312.189.200	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	1.553.997.687.200	44,24%	781.378.936.860	44,58%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	286.632.484.800	8,16%	137.065.573.940	7,82%
- Thặng dư vốn cổ phần	-		1.064.948.051.177	
- Cổ phiếu ngân quỹ	(154.222.000)		-	
Cộng	<u>3.512.498.778.000</u>		<u>2.817.704.751.177</u>	

(*) Theo nguồn Bản tin thị trường chứng khoán ngày 02/01/2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	10.856.364.113.495	8.407.173.548.785
• Doanh thu bán hàng hóa	105.816.669.994	103.657.104.738
• Doanh thu bán thành phẩm	10.730.308.178.798	8.292.426.466.316
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.239.264.703	11.089.977.731
Các khoản giảm trừ doanh thu:	206.370.629.645	171.580.600.304
• Chiết khấu thương mại	196.965.123.771	141.198.481.541
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	9.405.505.874	30.382.118.763
Doanh thu thuần	<u>10.649.993.483.850</u>	<u>8.235.592.948.481</u>

Trong đó:

• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	10.629.754.219.147	8.224.502.970.750
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	20.239.264.703	11.089.977.731

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	88.388.409.331	88.489.138.620
- Giá vốn của thành phẩm	6.651.252.204.703	5.535.235.257.619
- Giá vốn của dịch vụ	3.849.609.131	1.444.718.659
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	5.915.933	60.972.035
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	32.621.426.156	15.050.041.207
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.456.072.124	384.285.202
Cộng	<u>6.777.573.637.378</u>	<u>5.640.664.413.342</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106.172.066.924	59.260.613.141
- Lãi trái phiếu	9.273.679.259	3.593.443.516
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.588.435.250	24.684.653.769
- Cổ phiếu thưởng	4.311.416.804	5.205.360.000
- Lãi đầu tư chứng khoán	17.704.298.964	119.553.118.562
- Lãi chênh lệch tỷ giá	132.216.846.763	46.049.895.011
- Khác	38.026.538.618	5.454.272.392
Cộng	<u><u>322.293.282.582</u></u>	<u><u>263.801.356.391</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	6.603.699.017	25.512.307.050
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	132.861.858	515.420.758
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	118.123.946.777	47.314.038.176
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(36.488.921.278)	122.820.171.378
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(14.864.089.179)	77.042.697.625
Cộng	<u><u>73.507.497.195</u></u>	<u><u>273.204.634.987</u></u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.657.791.627	592.066.258
- Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT	40.375.692.269	51.763.251.299
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.951.569.978	4.190.347.536
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	91.480.108.818	73.558.284.734
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	258.389.317	2.563.143.600
- Thu nhập khác	83.968.104.835	2.102.928.252
Cộng	<u><u>223.691.656.844</u></u>	<u><u>134.770.021.679</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	4.368.598.757	177.931.556
- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.195.454	48.192.339
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	175.141.678	1.062.818.896
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	-	423.241.099
- Chi phí khác	82.052.500.446	1.206.286.934
Cộng	<u>86.598.436.335</u>	<u>2.918.470.824</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> <u>(điều chỉnh)</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.381.444.128.615	1.251.553.307.856
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.381.444.128.615	1.251.553.307.856
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	350.950.862	350.900.660
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.786</u>	<u>3.567</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước (điều chỉnh)</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	175.275.670	175.275.670
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 6 năm 2009	204.798	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại 03/09/09	(5.037)	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thưởng phát hành 18/09/09	175.475.431	175.624.990
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>350.950.862</u>	<u>350.900.660</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.460.586.485.575	5.364.896.230.604
- Chi phí nhân công	453.619.280.997	399.449.497.673
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.354.530.385	163.646.590.621
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.574.028.165	292.105.975.565
- Chi phí khác	987.145.102.180	899.067.353.005
Cộng	<u>8.492.279.427.302</u>	<u>7.119.165.647.468</u>

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.428.625.651.261	5.331.672.645.182
- Chi phí nhân công	247.241.662.070	223.344.317.990
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.833.664.913	125.677.777.477
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.769.830.714	80.824.202.499
- Chi phí khác	20.372.980.669	14.438.736.808
Cộng	<u>6.966.843.789.627</u>	<u>5.775.957.679.956</u>

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	127.769.536.074	95.977.696.303
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.461.809.958	27.462.865.102
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	14.447.269.526	18.663.760.973

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.236.329.708	7.717.942.668
- Chi phí bảo hành	7.987.976.032	2.187.090.728
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.517.571.524	118.642.362.427
- Chi phí khác bằng tiền	875.055.529.018	781.651.882.623
Cộng	<u>1.245.476.021.840</u>	<u>1.052.303.600.824</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	78.608.082.853	80.127.483.380
- Chi phí vật liệu quản lý	6.499.024.356	5.760.720.320
- Chi phí đồ dùng văn phòng	5.327.519.034	10.789.740.177
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.284.535.764	30.250.870.476
- Thuế, phí, lệ phí	2.874.568.900	2.588.696.784
- Chi phí dự phòng	27.977.191	10.582.225.245
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.286.625.927	92.639.410.639
- Chi phí khác bằng tiền	61.051.281.810	58.165.219.667
Cộng	<u>279.959.615.835</u>	<u>290.904.366.688</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và thù lao	<u>17.439.542.864</u>	<u>14.217.506.079</u>

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Năm 2009		Năm 2008	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.657.813.967.913	1.198.550.145.582	7.191.414.990.556	1.215.758.558.229
2. Các khoản giảm trừ	206.370.629.645	-	171.580.600.304	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	9.451.443.338.268	1.198.550.145.582	7.019.834.390.252	1.215.758.558.229
4. Giá vốn hàng bán	5.929.012.632.366	848.561.005.012	4.756.840.430.424	883.823.982.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	3.522.430.705.902	349.989.140.570	2.262.993.959.828	331.934.575.311

Người lập

Nguyễn Việt Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên